CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải

Ngày 28/06/2024	6,530 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.5%	**-1.7%**	**8.2%**

DT thuần
Q2/24
444
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 203| 84.3%
YoY: ▼47.0| -9.6%

LN thuần
Q2/24
22.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.4| -37.6%
YoY: ▼1.60| -6.7%

LN sau thuế
Q2/24
24.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.30| -20.7%
YoY: ▲ 4.80| 25.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
23.4%
YoY: +/-▼ 7.8%

ROE (TTM)
Q2/24
2.1%
YoY: +/-▲ 0.4%

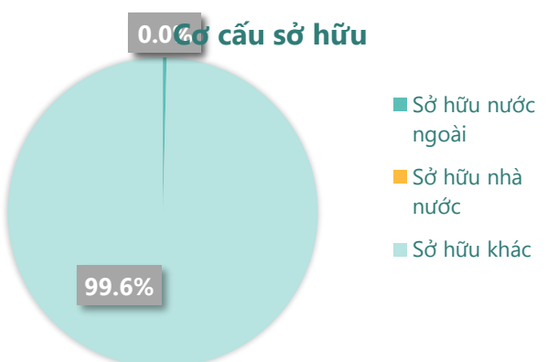
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,286 - 8,502
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,994
Số lượng CPLH (CP)	305,293,986
KLGD BQ 20 phiên (CP)	955,050
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.12
EPS	265
P/E	24.6

DT thuần
6T 2024
685
tỷ VNĐ
YoY: ▼120| -14.9%

LN thuần
6T 2024
57.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼53.2| -47.8%

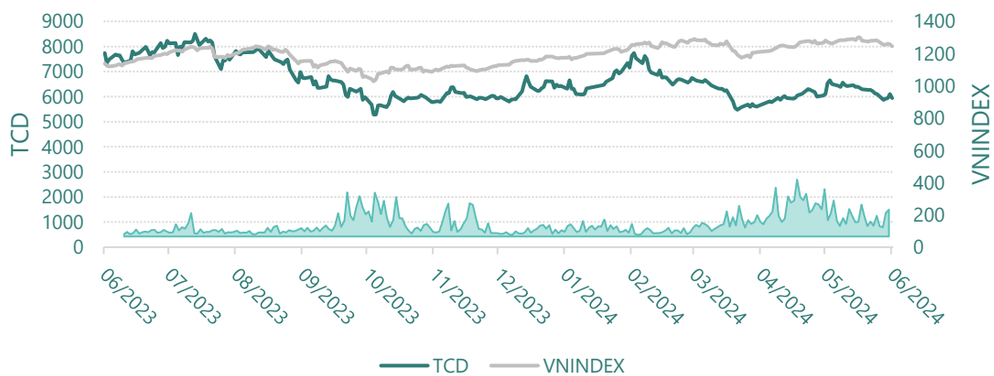
LN sau thuế
6T 2024
54.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.7| -38.3%

Cơ cấu sở hữu

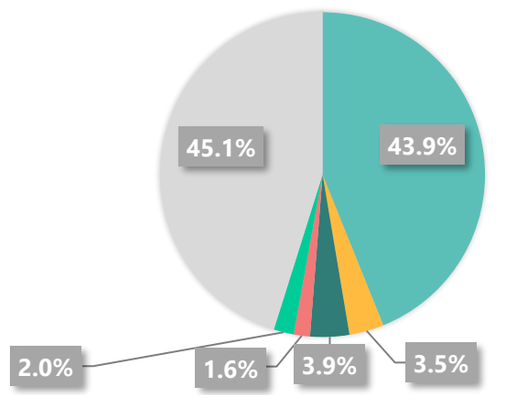


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



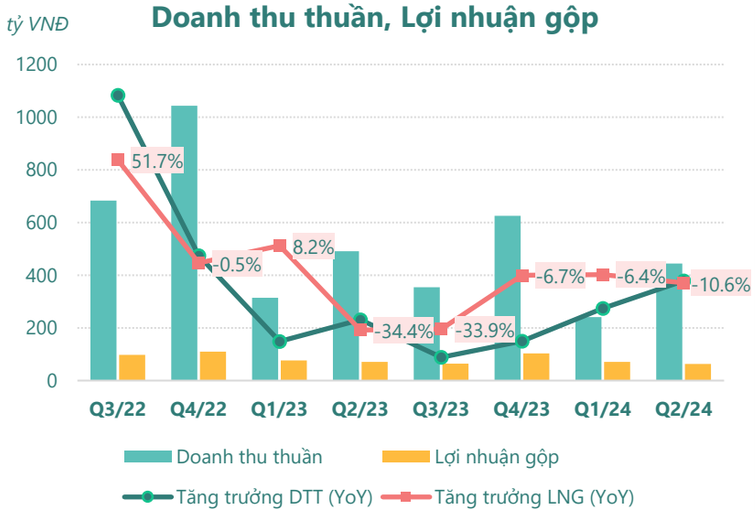
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

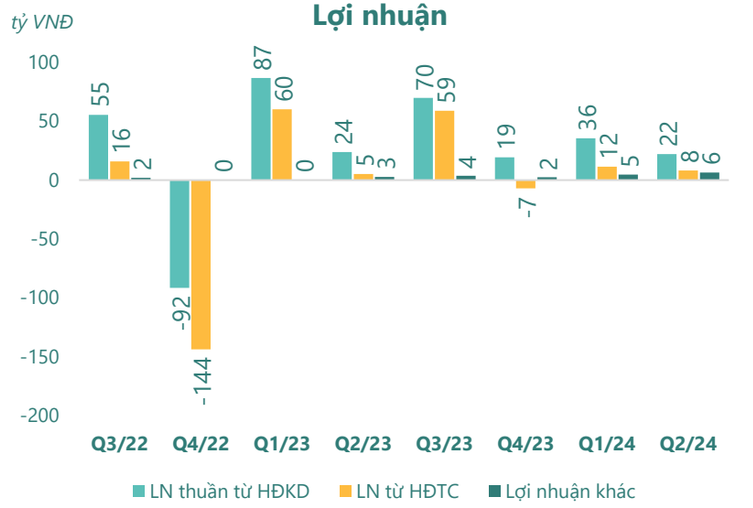
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



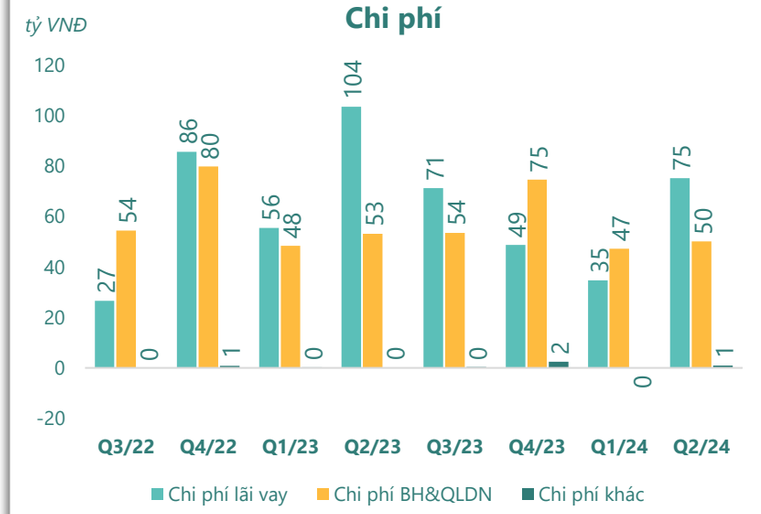
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



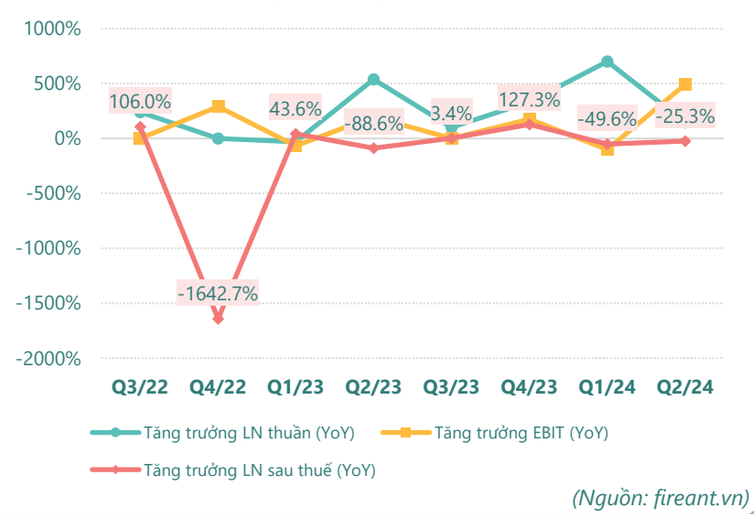
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



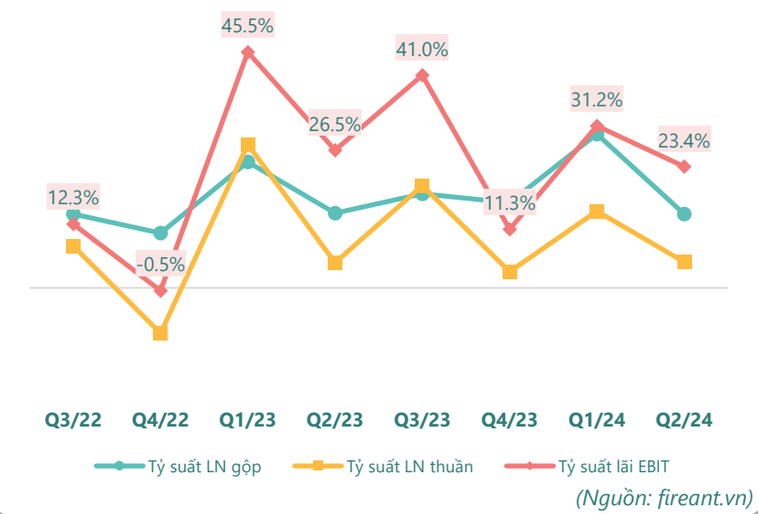
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



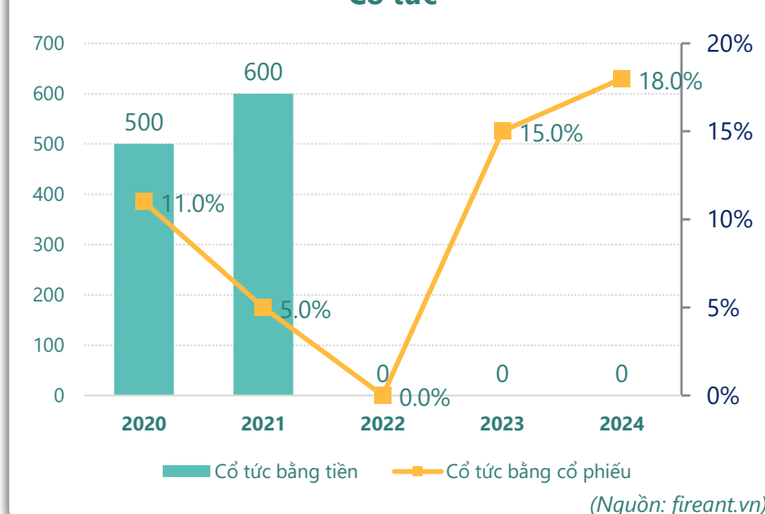
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

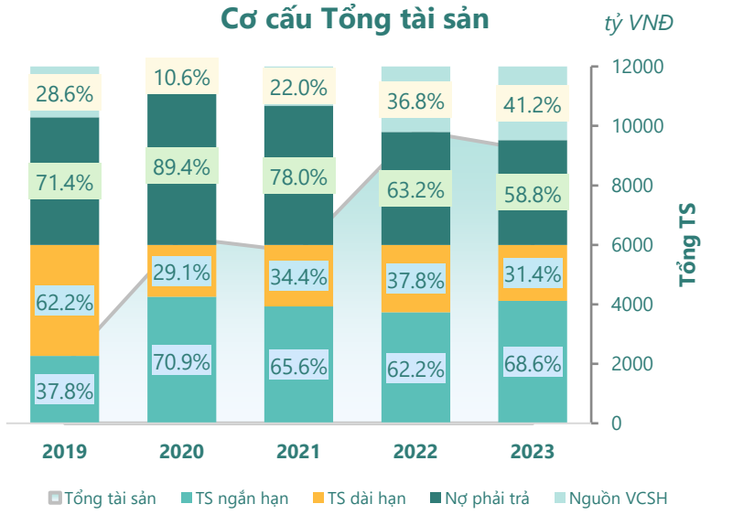
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

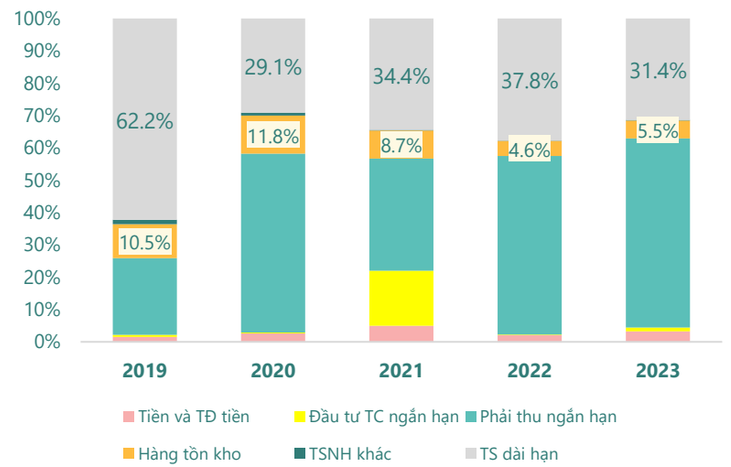
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



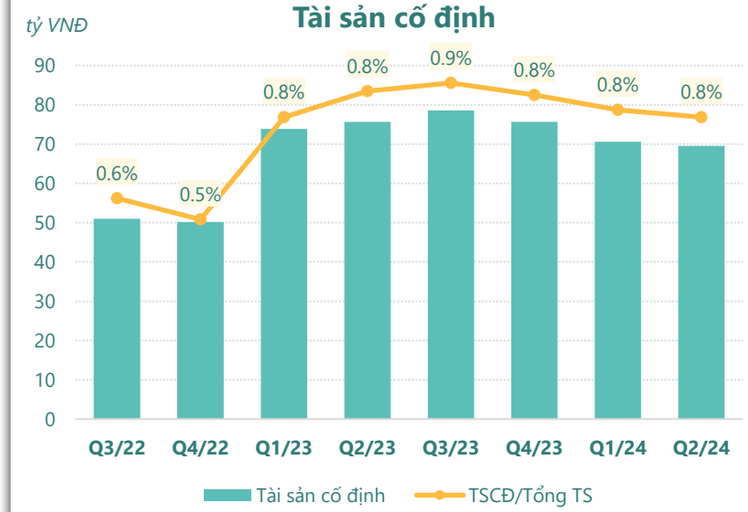
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



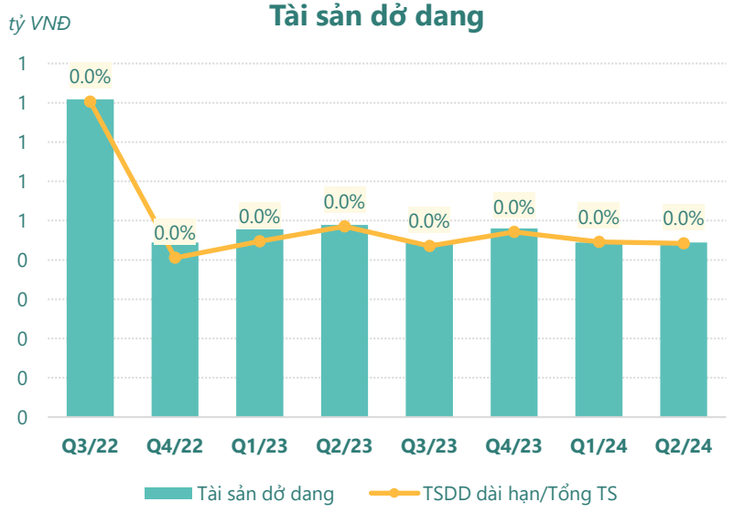
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



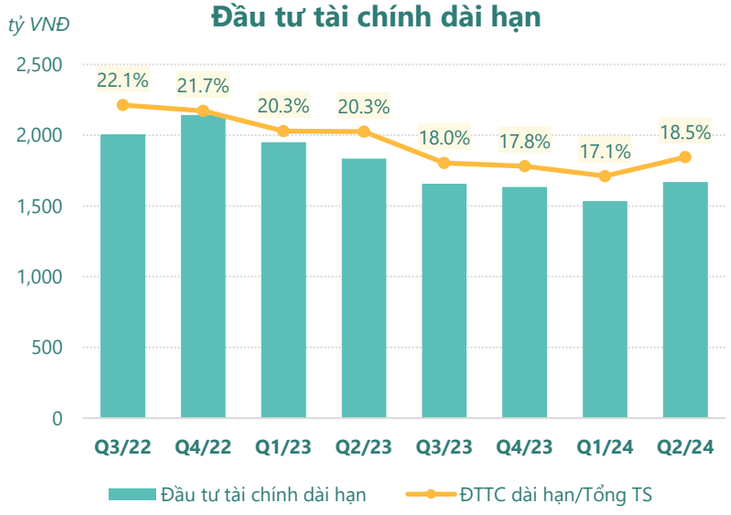
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



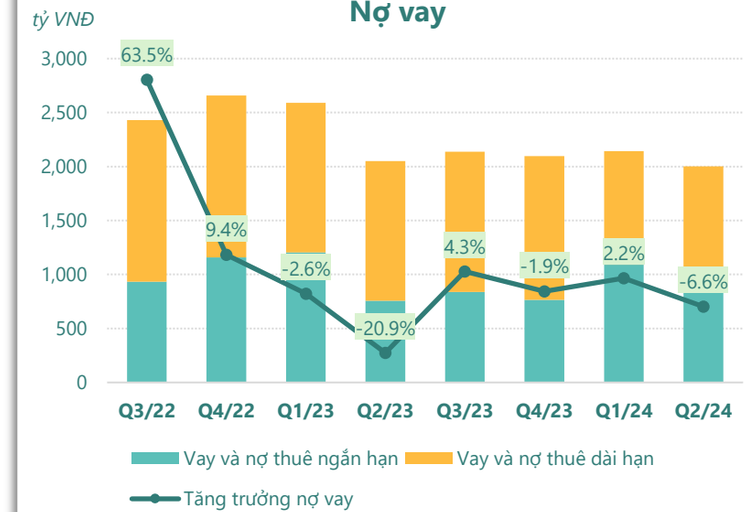
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

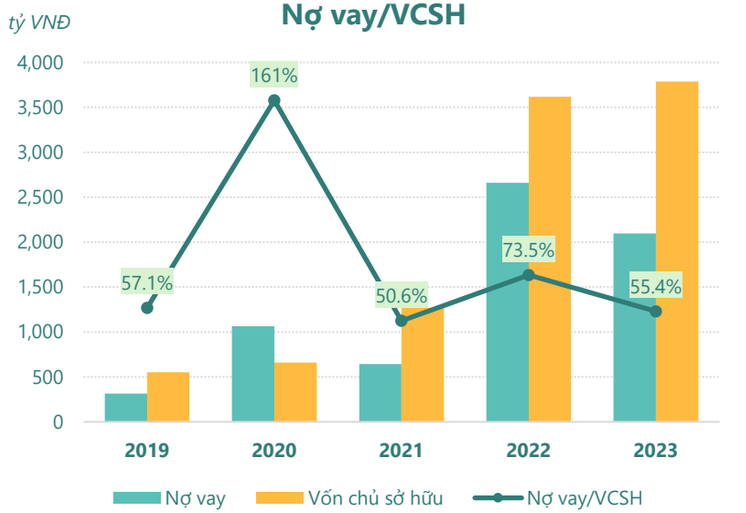
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

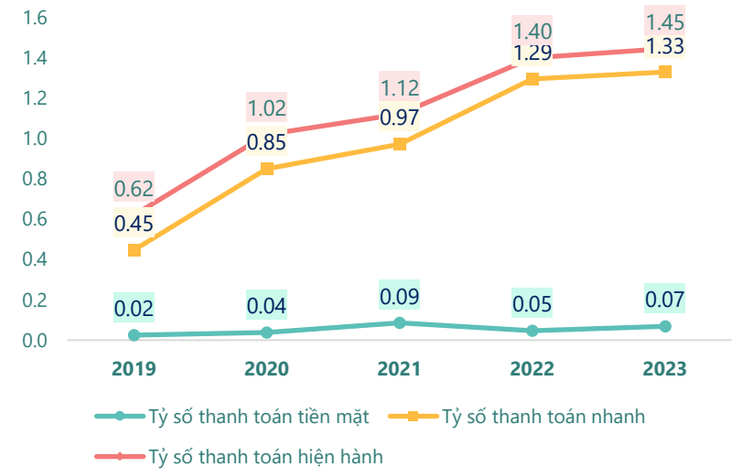
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



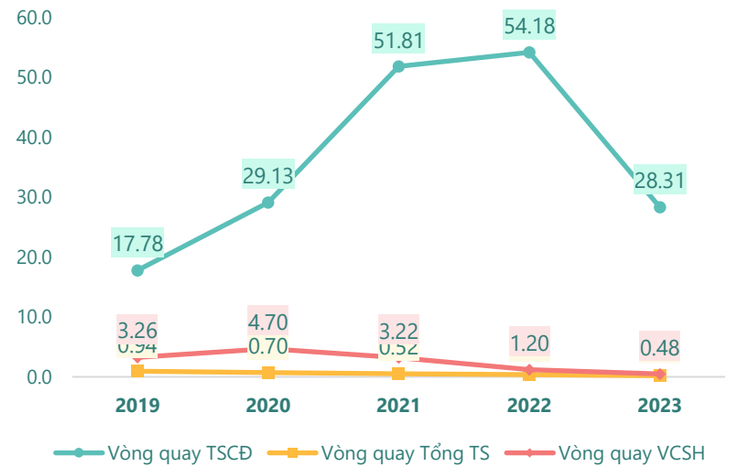
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



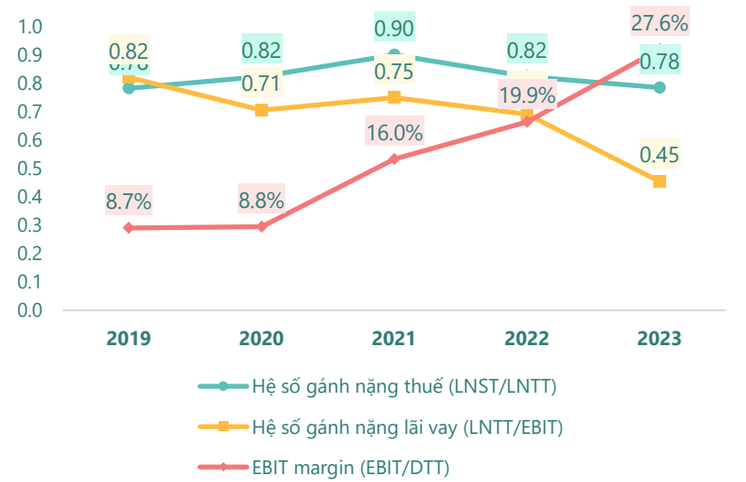
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



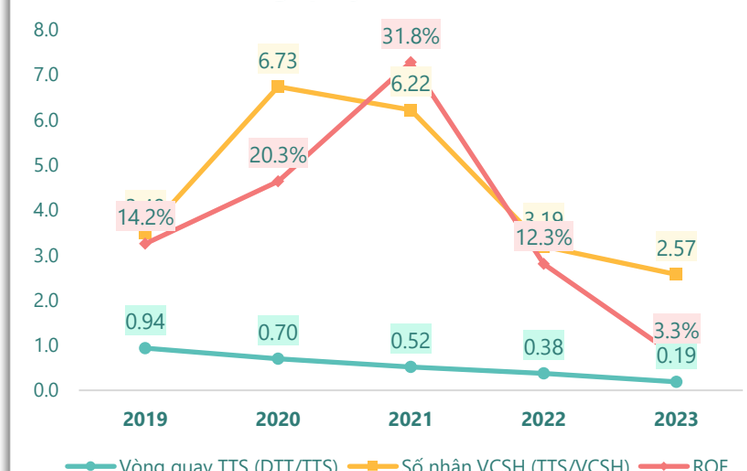
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



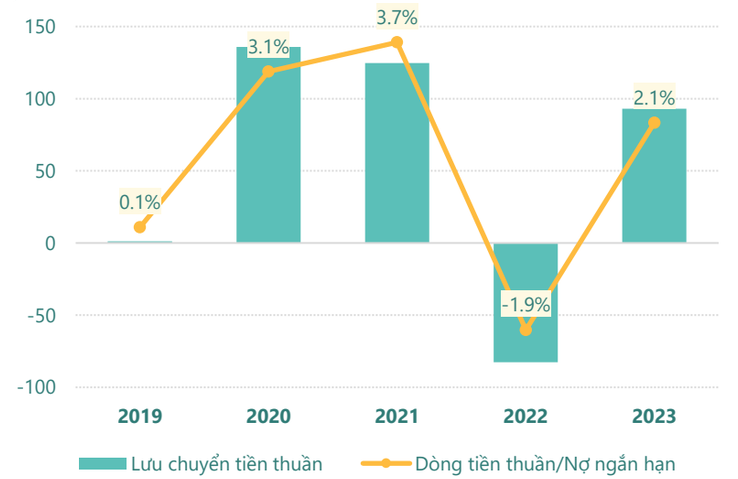
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**444**	**491**	**-9.6%**	**685**	**805**	**-14.9%**
Giá vốn hàng bán	381	420	-9.3%	550	658	-16.4%
Lợi nhuận gộp	63.3	70.8	-10.6%	135	147	-8.4%
Doanh thu HĐTC	99.8	109	-8.5%	152	240	-36.8%
Chi phí TC	91.5	104	-12.0%	132	175	-24.4%
Chi phí lãi vay	75.3	104	-27.6%	110	159	-30.9%
LN trong công ty LKLD	**0.81**	**0.95**	**-15.0%**	**0.81**	**-0.09**	**1043%**
Chi phí bán hàng	20.2	22.1	-8.6%	38.2	44.1	-13.4%
Chi phí QLDN	**29.9**	**31.1**	**-3.7%**	**59.2**	**57.6**	**2.9%**
LN thuần từ HĐKD	22.2	23.8	-6.7%	57.8	111	-47.8%
Lợi nhuận khác	**6.41**	**2.82**	**127%**	**11.2**	**3.15**	**255%**
LN trước thuế	28.6	26.6	7.5%	69.0	114	-39.4%
Lợi nhuận sau thuế	**24.0**	**19.2**	**25.2%**	**54.4**	**88.1**	**-38.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.3**	**2.18**	**740%**	**31.9**	**66.7**	**-52.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-79.5	398	-103	215	-282	126
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	45.4	134	35.7	79.6	5.81	1.93
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-85.8	-549	80.1	-77.9	45.0	-144
Tiền đầu kỳ	207	87.3	70.7	83.6	300	69.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-120**	**-16.7**	**13.0**	**217**	**-231**	**-15.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.01	0.00	0	0.01
Tiền cuối kỳ	87.3	70.7	83.6	300	69.0	53.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**9,050**	**9,181**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	6,109	6,302	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	53.5	300	-82.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.68	103	-97.4%
Phải thu ngắn hạn	5,525	5,373	2.8%
Hàng tồn kho	507	506	0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	21.1	20.3	3.7%
Tài sản dài hạn	**2,941**	**2,879**	**2.2%**
Phải thu dài hạn	1,166	1,231	-5.3%
Tài sản cố định	69.5	75.9	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.44	0.48	-7.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,670	1,534	8.8%
Tài sản dài hạn khác	**35.5**	**38.1**	**-6.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,225	5,394	-3.1%
Nợ ngắn hạn	**4,183**	**4,360**	**-4.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	963	1,067	-9.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	667	773	-13.8%
Nợ dài hạn	1,042	1,034	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,038	1,029	0.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,825**	**3,787**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**3,825**	**3,787**	**1.0%**
Vốn điều lệ	3,053	2,827	8.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)